

Bản án số: 17/2019/HS-ST
Ngày 05-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương;

2. Ông Đào Duy Thiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST- HS ngày 20 tháng 02 năm 2019 đối với:

Bị cáo Vũ Đình L sinh ngày 10/12/1989; nơi sinh: Xã QL, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn Ng, xã QL, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Đình V sinh năm 1962 và bà: Lưu Thị H sinh năm 1961; vợ: Đào Thị X sinh năm 1989, con: có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Nhập ngũ tháng 3/2010, xuất ngũ tháng 01/2012; bị tạm giam từ ngày 13/12/2018 đến nay, hiện đang bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình (*trích xuất có mặt tại phiên tòa*).

Bị hại: Anh Bùi X Th sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn L, xã QN, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Vũ Thanh T sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn L, xã QN, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

- Chị Đào Thị X sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Ng, xã QL, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt anh Th và chị X; vắng mặt anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 09 giờ ngày 05/12/2018, Vũ Đình L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius sơn màu trắng xanh, biển kiểm soát 17B5 – 175.MN của gia đình đi từ nhà lên chợ C, xã QN, huyện Q, tỉnh Thái Bình để mua sắt về làm chuồng gà. L đến cửa hàng sắt thép Th H ở Thôn L, xã QN do anh Bùi X Th làm chủ. L dựng xe trước cửa hàng rồi đi vào. Thấy L đi vào, Anh Th hỏi “*em mua gì*”, L trả lời “*em mua cây sắt*”. Anh Th không nói gì, đi ra ngoài cửa quán để cắt sắt cho khách để L tự tìm sắt. L đi vào khu vực để sắt để tìm cây sắt thì nhìn thấy chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Huawei màu xanh tím bên trong có lắp hai sim số 0356768ABC và sim số 0917279DEH của Anh Th để trên mặt bàn chỗ thanh toán tiền, cách cửa chính khoảng 03m. L nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại này. Thấy Anh Th đang cắt sắt ở ngoài cửa không để ý, cách vị trí của L khoảng 5-6m, L tiến lại gần chiếc điện thoại dùng tay phải lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần bên phải rồi đi ra ngoài. Ra đến cửa, Anh Th hỏi “*thế không mua nữa à*”. L bảo “*tý em quay lại, em vào chợ mua ít đồ*”. L lấy xe mô tô biển kiểm soát 17B5 – 175.MN đi về nhà. Về tới nhà, không có ai ở nhà L lấy chiếc điện thoại vừa trộm cắp được ra xem thì thấy chiếc điện thoại có cài đặt mật khẩu khóa màn hình L không mở được. Sợ bị phát hiện. L tháo 02 chiếc sim điện thoại ra bỏ vào ví. Khoảng 10 giờ cùng ngày, L mang chiếc điện thoại trên đến cửa hàng điện thoại của anh Vũ Thanh T ở thôn L, xã QN, huyện Q để mở mật khẩu khóa màn hình. Gặp anh T, L bảo “*Anh phá cho em mật khẩu chiếc điện thoại, con em nó đặt quên mật khẩu rồi*”. Anh T xem chiếc điện thoại và bảo “*để em làm*”. Khoảng 40 phút sau vẫn chưa mở được, Anh T hẹn L chiều lên lấy. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, L lên cửa hàng điện thoại thì vẫn chưa xong nên L bảo với Anh T “*giờ em có việc gấp, anh cho em mượn 300.000 đồng, mai em lên lấy máy rồi em trả một thế*”. Do đang cầm điện thoại của L nên Anh T đồng ý cho L mượn 300.000 đồng, số tiền này L đã chi tiêu cá nhân hết. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày Anh Th tìm điện thoại nhưng không thấy nên đã báo với Công an xã QN và Công an huyện Q. Đến sáng ngày 06/12/2018 Công an huyện Q đã triệu tập L lên làm việc, L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cơ quan Điều tra đã quản lý của L: 02 sim điện thoại số 0356768ABC và 0917279DEH; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius sơn màu trắng xanh, biển kiểm soát 17B5 –

175.MN; quản lý của anh Tùng: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Huawei màu xanh tím

Kết quả định giá tài sản: chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Huawei màu xanh tím trị giá 4.300.000 đồng (*Bốn triệu ba trăm nghìn đồng*).

Tại phiên tòa bị cáo khai: Khoảng 09 giờ ngày 05/12/2018 bị cáo đã đến cửa hàng sắt thép của anh Bùi Xuân Th để mua sắt làm chuồng gà, khi đến khu vực để sắt bị cáo nhìn thấy chiếc điện thoại của Anh Th để trên mặt bàn chờ thanh toán tiền nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại này, đồng thời bị cáo dùng tay phải lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần rồi đi ra ngoài và về nhà. Do không mở được mật khẩu chiếc điện thoại ở nhà nên bị cáo đã mang chiếc điện thoại này đến cửa hàng điện thoại của anh Vũ Thanh T để nhờ phá mật khẩu hộ và đi về nhà, đến khoảng 17 giờ chiều cùng ngày bị cáo đến lấy điện thoại nhưng anh T không mở được mật khẩu, bị cáo đã mượn Anh T 300.000 đồng, số tiền này bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Đồng thời bị cáo thừa nhận bị cáo có nghiện ma túy. Đối với chiếc xe xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius sơn màu trắng xanh, biển kiểm soát 17B5 – 175.MN mà bị cáo dùng làm phương tiện để trộm cắp. Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của vợ bị cáo là chị Đào Thị X, khi bị cáo lấy xe đi chị X không biết, bị cáo đề nghị trả lại chiếc xe này cho chị X.

Bị hại anh Bùi Xuân Th khai: Khoảng 09 giờ 20 phút ngày 05/12/2018 anh đang ở cửa hàng vật liệu sắt thép Th H của gia đình ở thôn thôn L, xã QN. Lúc này, cửa hàng của anh có nhiều khách ra vào, anh có để chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Huawei màu xanh tím bên trong có lắp 02 sim điện thoại số 0356768ABC và số 0917279DEH của anh để trên mặt bàn tính tiền rồi tập trung bán hàng. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày anh tìm chiếc điện thoại thì không thấy đâu. Anh xem lại camera an ninh tại cửa hàng thì anh phát hiện khoảng 09 giờ 23 đến 09 giờ 25 phút ngày 05/12/2018 có một nam thanh niên đã đi vào khu vực bàn tính tiền, anh đã trình báo với cơ quan Công an. Người anh nhìn thấy ở camera đúng là bị cáo. Ngoài mất chiếc điện thoại anh không mất tài sản nào khác. Anh đã nhận lại tài sản đã bị mất, anh không có ý kiến đề nghị gì. Về trách nhiệm hình sự anh đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đào Thị X khai: Chị là vợ của bị cáo, chị không biết về hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với chiếc xe mô tô mà bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội: đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị, nguồn tiền mua xe là do chị lao động mà có, do điều kiện công

việc nên chị không có thời gian đi làm đăng ký xe nên chị đã nhờ bị cáo đi làm thủ tục đăng ký giúp nên đăng ký xe mang tên bị cáo, chị đi làm xa, phương tiện đi lại do xe ô tô của Công ty đưa, đón nên chị đã để lại xe mô tô cho bị cáo để đi lại, bị cáo lấy xe đi để làm phương tiện phạm tội chị không biết, chị đề nghị cho chị xin lại chiếc xe trên.

Bản cáo trạng số 10/CT-VKSQP ngày 18/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình truy tố Vũ Đình L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố L tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với L về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh tuyên bố bị cáo Vũ Đình L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; Về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 50, điểm i và s khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo L từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra giải quyết; Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị HĐXX tuyên trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius sơn màu trắng xanh, biển kiểm soát 17B5 – 175.MN tuyên trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Đào Thị X; về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (chị X) không có ý kiến tranh L gì; Bị cáo nói lời sau cùng: nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh L tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều thừa nhận do nghiện ma túy, thiếu tiền chi tiêu nên khi đi vào chọn sắt tại cửa hàng của anh Thái, bị cáo nhìn thấy điện thoại để ở bàn thanh toán nên bị cáo đã nảy sinh ý

định phạm tội. Bị cáo đã đủ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bản kết L định giá tài sản cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết L: Khoảng 09 giờ 20 phút ngày 05/12/2018, tại cửa hàng vật liệu sắt thép Th H ở Thôn L, xã QN, huyện Q, tỉnh Thái Bình, Vũ Đình L đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Huawei màu xanh tím bên trong có 02 sim điện thoại số 0356768ABC và 0917279DEH trị giá 4.300.000 đồng (*Bốn triệu ba trăm nghìn đồng*) của anh Bùi Xuân Th để tại mặt bàn tính tiền. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)Đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

.....

đ) Tài sản là di vật, cổ vật”.

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Bị cáo thực hiện hành vi một cách táo bạo, liều lĩnh, giữa ban ngày lợi dụng lúc chủ tài sản không quan sát, chú ý hết nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự trị an và tạo dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, để có tiền chi tiêu bị cáo không chịu lao động mà lại thực hiện trộm cắp tài sản của người khác, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng hành vi bị cáo đã gây ra, việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để chấp hành hình phạt là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có thời gian tham gia quân đội và tại phiên tòa bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên coi đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Từ những căn cứ nêu trên nên về hình phạt áp dụng đối với bị cáo như mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”, như vậy bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Bùi X Th đã nhận lại các tài sản đã bị trộm cắp, anh không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Đối với số tiền 300.000 đồng bị cáo mượn của anh Vũ Thanh T, Anh T không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đó. Vì vậy, về trách nhiệm dân sự HĐXX không xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Huawei màu xanh tím và sim số đã trả lại cho bị hại. Đối với que chọc sim và chiếc ví, bị cáo đã vứt đi, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không có kết quả. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius sơn màu trắng xanh, biển kiểm soát 17B5 – 175.MN mà bị cáo dùng làm phương tiện, kết quả xác minh thấy đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Đào Thị X là vợ của bị cáo. Chị X không biết bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên trả lại chiếc xe này cho chủ sở hữu hợp pháp là chị X là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Đối với anh Vũ Thanh T là người đã phá mật khẩu chiếc điện thoại mà bị cáo trộm cắp, Anh T không biết đây là tài sản mà bị cáo trộm cắp, vì vậy Cơ quan điều tra không xử lý với Anh T là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Đình L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2.Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 50, điểm i và s Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Vũ Đình L 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/12/2018.

3.Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả lại chị Đào Thị X 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius sơn màu trắng xanh, biển kiểm soát 17B5 – 175.MN (*Đặc điểm chi tiết như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q ngày 21/01/2019*).

4.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Vũ Đình L phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (chị Đào Thị X) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh Vũ Thanh T) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết, tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận

- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi & nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Q;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an & Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- TAND tỉnh Thái Bình, Sở Tư pháp Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên